

Số: **01 /QĐ-LĐTBXH**

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Số 85/2019/QH14 ngày 11/11/2019 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; số 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; UBTWMTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- UBND các tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- Các đ/c Thứ trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG


Đào Ngọc Dung

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
**THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ NHIỆM VỤ,
GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ
HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-LĐTĐ ngày 02/01/2020
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

I. PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ TRỌNG TÂM ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ

Năm 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối cùng thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 – 2020, việc hoàn thành toàn diện các mục tiêu đặt ra sẽ tạo đà cho kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 và Chiến lược 10 năm 2021 - 2030; đồng thời, là năm có nhiều ngày lễ lớn như: Kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng, 75 năm thành lập Nước, 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Nền kinh tế nước ta vẫn còn những hạn chế, bất cập và tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Đối với ngành lao động – thương binh và xã hội, trong thời gian tới sẽ phải đối mặt không ít những khó khăn, thách thức, dự báo sẽ có tác động, ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ của ngành như: Thị trường lao động đối mặt với nguy cơ thừa lao động với trình độ, kỹ năng thấp nhưng lại thiếu nhân lực trình độ cao cho cuộc cách mạng 4.0; xu hướng đô thị hóa và di cư của người dân tạo sức ép lớn về hạ tầng, môi trường và an sinh xã hội; già hóa dân số nhanh tạo áp lực lớn lên hệ thống an sinh xã hội; chênh lệch giàu nghèo có xu hướng gia tăng, đặc biệt là ở khu vực nông thôn; biến đổi khí hậu tác động đến nhiều mặt của đời sống người dân, nhất là các đối tượng yếu thế...

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020, toàn ngành cần quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; quán triệt phương châm hành động của Chính phủ và tiếp tục phương châm “*Đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, hiệu quả*” với 5 trọng tâm chỉ đạo điều hành là:

(1) *Tập trung cho công tác xây dựng thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, khả thi và hội nhập quốc tế.*

(2) *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với thị trường lao động; tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ để nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia.*

(3) *Tạo lập các điều kiện cơ bản để thúc đẩy sự phát triển và hoạt động của thị trường lao động theo hướng hiện đại, bảo đảm đồng bộ, linh hoạt, minh*

bạch, cạnh tranh và hội nhập nhằm kết nối cung – cầu lao động, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đáp ứng việc làm đầy đủ và bền vững.

(4) Triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh để thực hiện ngày càng tốt hơn công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Thực hiện đầy đủ Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc.

(5) Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2020

1. Hoàn thiện thể chế, hoàn thành Chương trình công tác năm 2020 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Nâng cao chất lượng, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật về lao động, người có công và xã hội. Tập trung hoàn thiện, trình Chính phủ đề trình Quốc hội khóa XIV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9, thông qua tại kỳ họp thứ 10 đối với Dự án Luật sửa đổi Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Khẩn trương ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động sửa đổi, Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng sửa đổi (sau khi được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định, hướng dẫn thi hành các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, xác định các vướng mắc, bất cập, chồng chéo và kịp thời sửa đổi, bổ sung. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật về lao động, người có công và xã hội.

Tổ chức đánh giá, tổng kết, sơ kết các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, các chương trình, đề án thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội có thời hạn thực hiện đến năm 2020; nghiên cứu, đề xuất các chương trình, đề án, chính sách cho giai đoạn 2021 – 2025 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn, mở rộng diện bao phủ các đối tượng cần được trợ giúp; khả thi trong triển khai thực hiện.

2. Tiếp tục đổi mới, phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tập trung thực hiện các giải pháp đột phá mạnh mẽ, đổi mới và phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đổi mới sáng tạo và phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu thị trường với số lượng, cơ cấu ngành, nghề hợp lý. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; triển khai thực hiện các chương trình đào tạo theo các bộ chương trình đã chuyên giao từ Úc, CHLB Đức và nhân rộng đào tạo trong cả nước, góp phần hình thành đội ngũ nhân lực có tay nghề, đạt tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục - đào tạo; tăng cường đào tạo ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo

dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với chuyển đổi nghề nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn; kết nối đồng bộ giữa đào tạo với giải quyết việc làm trong nước và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Hoàn thành việc xây dựng, trình phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để làm cơ sở sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Nghiên cứu, thí điểm xây dựng khung giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; tổ chức và hướng dẫn việc đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo từ ngân sách nhà nước đối với những ngành, nghề đặc thù; các ngành, nghề thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn; những ngành, nghề thị trường lao động có nhu cầu nhưng khó thực hiện xã hội hoá.

3. Phát triển thị trường lao động và giải quyết việc làm

Thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, giải pháp phát triển thị trường lao động, bảo đảm đồng bộ, minh bạch, cạnh tranh và bền vững đi đôi với tăng cường, nâng cao vai trò của Nhà nước trong việc quản lý, điều tiết cung - cầu trên thị trường lao động nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực. Xây dựng Đề án hỗ trợ thị trường lao động đến năm 2030. Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động; chú trọng công tác thu thập, cập nhật, dự báo và phân tích thông tin thị trường lao động; đẩy mạnh kết nối cung - cầu nhân lực trong cả nước gắn với thị trường lao động quốc tế và khu vực ASEAN. Tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm; đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm; tăng tần suất, nâng cao hiệu quả tổ chức sàn giao dịch việc làm tại địa phương. Thực hiện các chính sách, giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động gắn với nâng cao chất lượng việc làm. Phối hợp triển khai thực hiện giao dịch điện tử trong khai trình lao động đối với doanh nghiệp, đơn vị. Hướng dẫn các địa phương tích hợp quy hoạch mạng lưới cơ sở dịch vụ việc làm vào quy hoạch cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ.

Tiếp tục ổn định và phát triển, mở rộng thị trường lao động ngoài nước; đàm phán, ký kết các Biên bản ghi nhớ, Thỏa thuận về hợp tác lao động với các nước. Thực hiện các chính sách, dự án hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, nhất là lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền giảm số lao động cư trú bất hợp pháp ở nước ngoài; hợp tác chặt chẽ với các cơ quan thẩm quyền tại nước tiếp nhận lao động để quản lý và đảm bảo quyền lợi của người lao động.

4. Thực hiện tốt chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện quan hệ lao động

Tập trung triển khai Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương

đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong tình hình mới. Thực hiện điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng; thí điểm quản lý lao động, tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động. Nghiên cứu, triển khai các mô hình quản lý, hỗ trợ, phát triển quan hệ lao động mới tại các địa phương, doanh nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; Đề án đổi mới toàn diện nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền bảo hiểm xã hội. Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền và tiếp tục thực hiện các giải pháp đột phá nhằm mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm thất nghiệp, thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động. Tăng cường công tác tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức tốt các hoạt động Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2020; Đối thoại định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động giữa Hội đồng Quốc gia về an toàn vệ sinh lao động và Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cấp tỉnh với đại diện giới chủ, đại diện người lao động và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương đẩy mạnh triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp để đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp và người lao động.

Làm tốt công tác quản lý, cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; thực hiện việc cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài qua mạng internet; tăng cường tuyên truyền, kiểm tra tình hình quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

5. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, trục lợi chính sách. Tiếp tục rà soát, giải quyết hồ sơ xác nhận người có công với cách mạng còn tồn đọng; phân đầu giải quyết dứt điểm hồ sơ tồn đọng trong năm 2020. Đẩy mạnh công tác xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin. Tổ chức tốt việc tặng quà của Chủ tịch nước cho các đối tượng người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý và các hoạt động tri ân nhân dịp kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh – Liệt sỹ (27/7/1947 – 27/7/2020).

Hoàn thành và trình phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chú trọng việc tu bổ, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ. Thực hiện hiệu quả các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công” nhằm

huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; tăng cường vận động, hỗ trợ người có công về nhà ở..., phấn đấu để không còn hộ người có công thuộc diện hộ nghèo.

6. Thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo bền vững

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ về giảm nghèo bền vững đến năm 2020; các chính sách giảm nghèo, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; ưu tiên nguồn lực thực hiện chính sách đối với đồng bào vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi nhằm đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo; tạo điều kiện để người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhất là tại các địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn..., tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản. Phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng; nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, các tấm gương điển hình tự xin thoát khỏi diện hộ nghèo.

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; đề xuất Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Tổng điều tra hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025. Thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”.

7. Làm tốt công tác trợ giúp xã hội

Tiếp tục đổi mới công tác trợ giúp xã hội; phát triển hệ thống an sinh xã hội hiệu quả, bền vững; rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách trợ giúp xã hội bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ và toàn diện, vừa hỗ trợ, vừa khuyến khích nỗ lực vươn lên của các đối tượng thụ hưởng. Thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế. Tham mưu, đề xuất các chương trình, đề án liên quan đến trợ giúp đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt giai đoạn 2021 - 2030. Hoàn thành việc xây dựng, trình phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết chính sách an sinh xã hội cho người dân, nghiên cứu xây dựng kế hoạch cấp số an sinh xã hội, thẻ an sinh xã hội điện tử cho người dân; thí điểm đăng ký trực tuyến và chi trả chính sách trợ giúp xã hội bằng phương thức điện tử.

Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai, tình hình thiếu đói; rà soát, nắm bắt tình hình đời sống nhân dân, nhất là những địa phương bị thiệt hại nặng do các đợt bão, lũ, hạn hán, dịch bệnh để có phương án trợ giúp kịp thời cho người dân bị ảnh hưởng, không để người dân bị đói, không có nơi ở. Huy động

nguồn lực xã hội, phát triển các hình thức trợ giúp dựa vào cộng đồng để tạo điều kiện, cơ hội cho các đối tượng yếu thế vươn lên hòa nhập cộng đồng.”

8. Tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em

Triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh để thực hiện ngày càng tốt hơn công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Thực hiện đầy đủ Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc, các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2016 – 2020. Xây dựng Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030. Tổ chức tốt các hoạt động nhân kỷ niệm 30 năm Việt Nam gia nhập Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em; Tháng hành động vì trẻ em và Diễn đàn trẻ em các cấp.

Thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020 – 2025; tăng cường các giải pháp phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước cho trẻ em. Xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra bạo lực, bạo hành trẻ em; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Đẩy mạnh công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, củng cố và phát triển Hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em; hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số, miền núi để từng bước giảm khoảng cách chênh lệch về điều kiện sống giữa các nhóm trẻ em và giữa các vùng, miền; nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi trẻ em.

9. Về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách, chương trình thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Xây dựng Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Đề án phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 - 2025. Tổ chức tốt Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. Triển khai các hoạt động nhằm góp phần nâng cao tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, chú trọng đa dạng hóa các hình thức truyền thông để phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn, dân cư.

10. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội

Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội; hoàn thiện hệ thống pháp luật về cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy. Tăng cường quản lý địa bàn, cơ sở cai nghiện và đẩy mạnh việc thực hiện đề án phối hợp truyền thông nhằm giảm cung, giảm cầu, giảm tác hại tệ nạn ma túy. Chú trọng cai nghiện tập trung và xây dựng cơ chế chính sách đặc thù, ưu tiên nguồn lực, trang thiết bị cho công tác phòng, chống ma túy; nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện và quản lý sau cai tại cộng đồng. Hướng dẫn các địa phương tích hợp quy hoạch mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy vào quy hoạch cấp tỉnh

giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ.

Tăng cường công tác phối hợp quản lý địa bàn, không để tệ nạn mại dâm gây bức xúc xã hội. Tiếp tục xây dựng và thí điểm mô hình phòng ngừa, trợ giúp làm giảm tổn thương, phòng và chống lây nhiễm HIV/AIDS tại cộng đồng. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng.

11. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ

Đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ theo Nghị định số 14/2017/NĐ-CP, dự thảo phương án kiện toàn chức năng nhiệm vụ của Bộ trong nhiệm kỳ Chính phủ mới. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; thực hiện tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/04/2015 của Ban Chấp hành Trung ương, đảm bảo bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với cải cách tiền lương. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu mỗi cơ quan, đơn vị. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức công chức, công vụ. Xây dựng Bản mô tả công việc, khung năng lực theo vị trí việc làm theo lĩnh vực của ngành và đối với các đơn vị thuộc Bộ theo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Triển khai công tác tuyển dụng công chức; thi nâng ngạch chuyên viên chính theo Đề án được Bộ Nội vụ phê duyệt. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Thực thi đầy đủ, triệt để những cải cách về điều kiện kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Tiếp tục nâng cấp Cổng dịch vụ công của Bộ để đảm bảo kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin qua Cổng dịch vụ công Quốc gia. Thực hiện chi trả các khoản trợ cấp cho đối tượng qua các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.

Tiếp tục triển khai hiện đại hóa công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, hướng tới xây dựng Chính phủ điện tử theo chỉ đạo của Chính phủ. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của Bộ, ngành. Đẩy mạnh xử lý, hồ sơ công việc trên môi trường mạng và kết nối, liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp. Hình thành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chủ yếu phục vụ công tác thống kê, báo cáo, hoạch định chính sách, hướng đến cung cấp thông tin về lao động, người có công và xã hội đảm bảo minh bạch, đầy đủ, kịp thời đến người dân và toàn xã hội.

12. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về quyền trẻ em và phòng chống xâm hại, bạo lực trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non. Tập trung thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực mà cử tri cả nước và các đại biểu quan

tâm: Thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách bảo hiểm xã hội và trợ giúp xã hội, an toàn, vệ sinh lao động... Đẩy mạnh công tác thanh tra hành chính, đặc biệt là nội dung phòng, chống tham nhũng, góp phần đảm bảo kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ. Theo dõi, đôn đốc các đối tượng được thanh tra thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời, công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

13. Chủ động, tích cực và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

Triển khai thực hiện các hoạt động của Bộ trong năm Chủ tịch ASEAN, đặc biệt các hoạt động của Ủy ban Quốc gia ASEAN 2020 với vai trò Phó Chủ tịch Ủy ban và chủ trì Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN tại Việt Nam. Chủ trì tổ chức các sự kiện liên quan theo Đề án do Chính phủ phê duyệt với các sáng kiến và hoạt động trong vai trò nước chủ nhà ASEAN 2020. Tiếp tục thực hiện Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội và Đề án 161 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN. Triển khai các thỏa thuận quốc tế đã ký kết và tăng cường vận động, thu hút nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế phục vụ việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

14. Thực hiện tốt công tác kế hoạch, tài chính, tổng hợp, văn phòng

Hướng dẫn tổ chức đánh giá, tổng kết, sơ kết các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các chương trình, đề án về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2016 -2020 và xây dựng kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 – 2025; chú ý lồng ghép được các mục tiêu phát triển bền vững và tập trung nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đấu thầu và quy hoạch. Đảm bảo nguồn lực, cơ sở vật chất để thực hiện các nhiệm vụ của ngành; triển khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch đầu tư công năm 2020 ngay từ đầu năm; quản lý tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản chặt chẽ, đúng chế độ, chính sách quy định. Triển khai cơ chế tự chủ đối với các đơn vị dự toán; hoàn thành việc chuyển giao 03 doanh nghiệp trực thuộc Bộ sang Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Thực hiện tốt công tác tổng hợp, tham mưu cho Lãnh đạo Bộ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội. Tổng hợp, báo cáo đầy đủ theo yêu cầu của các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ về các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Thực hiện tốt chức năng điều phối hoạt động theo quy chế làm việc của Bộ; chủ động theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của Bộ được giao.

15. Đẩy mạnh công tác thông tin và tuyên truyền, phối hợp liên ngành

Chủ động cung cấp và tiếp nhận thông tin, nhất là thông tin và phản hồi về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả. Phát động phong trào thi đua trong toàn ngành hướng tới kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng, 75 năm thành lập Nước, 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tiếp tục duy trì cơ chế phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở các cấp và các địa phương nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội năm 2020 và Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sau:

1.1. Quán triệt phương châm hành động của Chính phủ và tiếp tục phương châm của Bộ; phát huy tối đa các mặt tích cực đã đạt được trong năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2019, triển khai quyết liệt hơn, hiệu quả hơn, thiết thực hơn và toàn diện hơn các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2020 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đã đề ra và các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này của Bộ. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc triển khai thực hiện trong lĩnh vực, địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.2. Ban hành chương trình, kế hoạch của cơ quan, đơn vị triển khai Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ; trong đó, xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, tiến độ thực hiện và phân công thực hiện, báo cáo về Bộ trước ngày 30/01/2020.

1.3. Tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện; chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp xử lý kịp thời đối với những vấn đề phát sinh. Báo cáo tình hình thực hiện hàng tháng, quý trước ngày 20 hằng tháng gửi Văn phòng, Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

1.4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các đơn vị quản lý nhà nước các lĩnh vực, các Sở, ngành chức năng của địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức triển khai các nhiệm vụ về Lao động, người có công và xã hội trên địa bàn.

2. Các đơn vị tổng hợp, đơn vị phụ trách các lĩnh vực phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất các giải pháp chỉ đạo, điều hành của Bộ. Vụ Kế hoạch - Tài chính phối hợp với Văn phòng và các cơ quan, đơn vị đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện theo quy định./.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

PHỤ LỤC 1

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-LĐTĐ ngày 02/01/2020

của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức phấn đấu năm 2020 |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|
| I | CHỈ TIÊU QUỐC HỘI GIAO | | |
| 1 | Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị | % | <4 |
| 2 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | % | 65 |
| | <i>Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ</i> | % | 25 |
| 3 | Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều | % | 1- 1,5 |
| | <i>Riêng các huyện nghèo</i> | % | 4 |
| II | CHỈ TIÊU NGÀNH | | |
| 1 | Số lao động được giải quyết việc làm | người | 1.610.000 |
| 1.1 | <i>Tạo việc làm trong nước</i> | người | 1.480.000 |
| 1.2 | <i>Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</i> | người | 130.000 |
| 2 | Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi | % | 33,5 |
| 3 | Tuyển mới giáo dục nghề nghiệp | người | 2.260.000 |
| 3.1 | <i>Cao đẳng, trung cấp</i> | người | 580.000 |
| 3.2 | <i>Sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác</i> | người | 1.680.000 |
| | <i>Trong đó, dạy nghề cho lao động nông thôn</i> | người | 1.000.000 |
| 4 | Số người tốt nghiệp | người | 2.190.000 |
| 4.1 | <i>Cao đẳng, trung cấp</i> | người | 510.000 |
| 4.2 | <i>Sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác</i> | người | 1.680.000 |
| 5 | Tỷ lệ gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú | % | 99,7 |
| 6 | Tỷ lệ xã/phường/thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công | % | 99,5 |
| 7 | Tỷ lệ đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng | % | 100 |
| 8 | Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng | % | 85 |
| 9 | Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp | % | 72 |
| 10 | Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em | % | 55 |
| 11 | Tỷ lệ cai nghiện cho người nghiện ma túy có quyết định của Tòa án áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc | % | 100 |
| 12 | Tỷ lệ người nghiện ma túy được tham gia các chương trình điều trị cai nghiện so với số người nghiện có hồ sơ quản lý | % | 72 |
| 13 | Tỷ lệ nạn nhân bị mua bán được tiến hành các thủ tục xác minh, xác định nạn nhân và được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định | % | 100 |



Phụ lục 2**Một số nhiệm vụ cụ thể lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2020***(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-LĐTĐ ngày 02/01/2020**của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

| TT | NHIỆM VỤ | Thời hạn hoàn thành | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------|
| A | HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT | | |
| | Thực hiện theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định ban hành Chương trình công tác năm 2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. | Năm 2020 | Các đơn vị thuộc Bộ |
| B | NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA BỘ | | |
| I | Nhóm nhiệm vụ về phát triển thị trường lao động, giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm | | |
| 1 | Xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030. | Tháng 12/2020 | Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| 2 | Hoàn thành, trình phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Tháng 12/2020 | Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| 3 | Rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thành việc sáp nhập 03 trung tâm ở cấp huyện theo quy định. | Năm 2020 | Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| 4 | Thực hiện các chương trình đào tạo chất lượng cao theo các bộ chương trình đã chuyển giao từ Úc và Đức. Nghiên cứu nhân rộng đào tạo trong cả nước. | Năm 2020 | Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| 5 | Thực hiện các giải pháp gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, thị trường lao động trong và ngoài nước. | Năm 2020 | Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| 6 | Đẩy mạnh xây dựng các chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp. | Năm 2020 | Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| 7 | Xây dựng và trình phê duyệt Đề án "Hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030". | Tháng 09/2020 | Cục Việc làm |
| 8 | Hướng dẫn triển khai thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu cung – cầu lao động theo quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH. | Quý I/2020 | Cục Việc làm |
| 9 | Điều tra nhu cầu sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp năm 2020. | Quý III/2020 | Cục Việc làm |
| 10 | Xây dựng bộ chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ về dịch vụ việc làm, tổ chức tập huấn nâng cao năng lực của các cán bộ thuộc Trung tâm Dịch vụ việc làm. | Năm 2020 | Cục Việc làm |
| 11 | Nghiên cứu, xây dựng phương án thực hiện giao dịch điện tử trong khai trình lao động đối với doanh nghiệp, đơn vị. | Năm 2020 | Cục Việc làm |
| 12 | Theo dõi, cập nhật và xây dựng báo cáo về tình hình lao động, gồm cả lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. | Năm 2020 | Cục Việc làm |

| TT | NHIỆM VỤ | Thời hạn hoàn thành | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------|
| 13 | Thực hiện các giải pháp ổn định và phát triển thị trường lao động ngoài nước; tiếp tục đàm phán, ký kết các Biên bản ghi nhớ, Thỏa thuận về hợp tác lao động với các nước. | Năm 2020 | Cục Quản lý lao động ngoài nước |
| 14 | Kiểm tra, thanh tra, giám sát các doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tình hình lao động Việt Nam đi làm việc tại một số thị trường ngoài nước. | Năm 2020 | Cục Quản lý lao động ngoài nước |
| II | Nhóm nhiệm vụ về thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; quan hệ lao động, an toàn lao động | | |
| 15 | Báo cáo về xác định tiền lương tối thiểu theo giờ. | Tháng 11/2020 | Cục Quan hệ lao động và Tiền lương |
| 16 | Nghị định quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động theo hợp đồng lao động. | Tháng 09/2020 | Cục Quan hệ lao động và Tiền lương |
| 17 | Đề án thực hiện điều chỉnh lương hưu độc lập tương đối trong mối tương quan với tiền lương của người đang làm việc, thay đổi cách thức điều chỉnh lương hưu theo hướng chia sẻ. | Tháng 03/2020 | Vụ Bảo hiểm xã hội |
| 18 | Đề án đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng, hiệu quả hoạt động tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội. | Tháng 06/2020 | Vụ Bảo hiểm xã hội |
| 19 | Thực hiện các giải pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. | Năm 2020 | Vụ bảo hiểm xã hội, Cục Việc làm, Cục An toàn lao động |
| 20 | Triển khai Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong tình hình mới. | Năm 2020 | Cục Quan hệ lao động và Tiền lương |
| 21 | Triển khai Đề án đổi mới toàn diện nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền bảo hiểm xã hội. | Năm 2020 | Vụ Bảo hiểm xã hội |
| 22 | Báo cáo đánh giá chính sách Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm. | Tháng 07/2020 | Cục Việc làm |
| 23 | Hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương đánh giá thực hiện Chương trình Quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2016- 2020; xây dựng Chương trình giai đoạn 2021- 2025. | Quý I/2020 | Cục An toàn lao động |
| 24 | Tổ chức tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2020. | Tháng 5/2020 | Cục An toàn lao động |
| 25 | Tổ chức họp Hội đồng quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động, đôn đốc hội đồng An toàn, vệ sinh lao động tại các địa phương hoàn thiện tổ chức và tổ chức đối thoại theo quy định. | Năm 2020 | Cục An toàn lao động |

| TT | NHIỆM VỤ | Thời hạn hoàn thành | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|
| III | Nhóm nhiệm vụ về thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, giảm nghèo, bảo trợ xã hội, trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội | | |
| 26 | Xây dựng, trình Bộ ban hành quy trình cấp Bằng Tổ quốc ghi công cho liệt sĩ có thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp Bằng. | Tháng 3/2020 | Cục Người có công |
| 27 | Tập trung chỉ đạo các địa phương giải quyết hồ sơ tồn đọng xác nhận người có công theo Quyết định số 408/QĐ-LĐTBXH ngày 20/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; phân đấu hết năm 2020 giải quyết căn bản hồ sơ tồn đọng; tổng kết, rà soát việc công nhận người có công với cách mạng. | Năm 2020 | Cục Người có công |
| 28 | Tổ chức thực hiện, tổng hợp, báo cáo về công tác tặng quà của Chủ tịch nước nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý; việc tặng quà cho các đối tượng có công với cách mạng nhân dịp kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh – Liệt sĩ. | Tháng 3 và tháng 7/2020 | Cục Người có công |
| 29 | Hoàn thiện, trình ban hành quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Tháng 12 | Cục Người có công |
| 30 | Tổng hợp, báo cáo Bộ phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019. | Quý II/2020 | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo |
| 31 | Đánh giá thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội khóa XIII về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Nghị quyết số 80/NQ-CP của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020. | Quý II/2020 | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo |
| 32 | Tổng kết đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. | Quý II/2020 | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo |
| 33 | Tổ chức tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2021 - 2025. | Năm 2020 | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo |
| 34 | Tổ chức triển khai thực hiện Đề án Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. | Năm 2020 | Cục Bảo trợ xã hội |
| 35 | Xây dựng kế hoạch triển khai Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật | Quý II/2020 | Cục Bảo trợ xã hội |

| TT | NHIỆM VỤ | Thời hạn hoàn thành | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------|
| 36 | Xây dựng, đề xuất chính sách nâng mức trợ cấp xã hội, bao gồm cả chính sách cho người có thu nhập thấp, ưu tiên cho nhóm 40% dân số nghèo, chú trọng nhóm dân cư là người dân tộc thiểu số, cư trú ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn. | Năm 2020 | Cục Bảo trợ xã hội |
| 37 | Hoàn thành, trình phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Tháng 12/2020 | Cục Bảo trợ xã hội |
| 38 | Thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020 – 2025. | Năm 2020 | Cục Trẻ em |
| 39 | Tổng kết, đánh giá các Chương trình, kế hoạch đề án về thực hiện quyền trẻ em giai đoạn 2012- 2020 và 2016- 2020. Xây dựng các Chương trình, kế hoạch, đề án về trẻ em giai đoạn 2021- 2025 và đến 2030. | Năm 2020 | Cục Trẻ em |
| 40 | Nghiên cứu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban quốc gia về trẻ em chọn năm 2020 là “Năm vì trẻ em” để tập trung thực hiện đồng bộ việc đánh giá, tổng kết, xây dựng chiến lược, chương trình, đề án về trẻ em. | Quý I/2020 | Cục Trẻ em |
| 41 | Tổng hợp thông tin, báo cáo và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về trẻ em. | Năm 2020 | Cục Trẻ em |
| 42 | Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 và xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030. | Tháng 9/2020 | Vụ Bình Đẳng giới |
| 43 | Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030” và xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025. | Tháng 12/2020 | Vụ Bình Đẳng giới |
| 44 | Xây dựng Báo cáo Chính phủ về thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2019 gửi Quốc hội. | Tháng 5/2020 | Vụ Bình Đẳng giới |
| 45 | Triển khai thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. | Tháng 11 và 12/2020 | Vụ Bình Đẳng giới |
| 46 | Tổng kết, đánh giá Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020; nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021-2025. | Năm 2020 | Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội |
| 47 | Khảo sát, đánh giá việc thực hiện các mô hình can thiệp giảm hại, phòng, chống bạo lực, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội của người bán dâm tại cộng đồng và các trung tâm hỗ trợ xã hội. | Năm 2020 | Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội |

| TT | NHIỆM VỤ | Thời hạn hoàn thành | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------|
| 48 | Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quyết định số 2596/QĐ-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy ở Việt Nam đến năm 2020. | Năm 2020 | Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội |
| 49 | Tổng kết đánh giá việc thực hiện Đề án tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán tái hòa nhập cộng đồng giai đoạn 2016-2020; xây dựng Đề án giai đoạn 2021-2025. | Năm 2020 | Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội |
| IV | Nhóm nhiệm vụ về cải cách hành chính, tổ chức bộ máy, xây dựng Chính phủ điện tử, thanh tra | | |
| 50 | Rà soát, báo cáo Bộ về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ theo Nghị định số 14/2017/NĐ-CP, dự thảo phương án kiện toàn CNNV của Bộ trong nhiệm kỳ mới. | Năm 2020 | Vụ Tổ chức cán bộ |
| 51 | Xây dựng, trình ban hành văn bản hướng dẫn, các quy trình, quy chế về chuyên môn, nghiệp vụ về tổ chức, bộ máy, nhân sự, đặc biệt là quy chế phân cấp quản lý công chức, viên chức. | Quý II/2020 | Vụ Tổ chức cán bộ |
| 52 | Rà soát, hoàn thiện, trình phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực theo danh mục vị trí việc làm của Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ. | Năm 2020 | Vụ Tổ chức cán bộ |
| 53 | Xây dựng, trình Bộ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2020. | Quý I/2020 | Văn phòng |
| 54 | Xây dựng kế hoạch cấp số an sinh xã hội, thẻ an sinh xã hội điện tử cho người dân; triển khai thí điểm tại 1 số tỉnh, thành phố. | Tháng 12/2020 | Cục Bảo trợ xã hội |
| 55 | Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025. | Năm 2020 | Văn phòng Bộ |
| 56 | Tích hợp và kết nối Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia. | Năm 2020 | Trung tâm Thông tin |
| 57 | Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) khi được Chính phủ ban hành. | Năm 2020 | Trung tâm Thông tin |
| 58 | Đẩy mạnh triển khai Hệ thống thông tin Bộ với người dân và doanh nghiệp theo Quyết định số 1764/QĐ-LĐTBXH ngày 22/11/2019 của Bộ. | Năm 2020 | Văn phòng Bộ |
| 59 | Xây dựng Đề án Ứng dụng Social Listening trong phản hồi chính sách. | Quý III/2020 | Trung tâm Thông tin |
| 60 | Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ giai đoạn 2021-2025. | Quý IV/2020 | Trung tâm Thông tin |

| TT | NHIỆM VỤ | Thời hạn hoàn thành | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------|
| 61 | Chủ trì phối hợp với Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tổ chức chiến dịch thanh tra trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội trong phạm vi toàn quốc”. | Năm 2020 | Thanh tra |
| 62 | Hướng dẫn và triển khai thanh tra toàn diện việc thực hiện quy định của pháp luật về quyền trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non trong cả nước trên cơ sở phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan. | Năm 2020 | Thanh tra |
| 63 | Nghiên cứu, tổng hợp các quy định của pháp luật chưa phù hợp với thực tiễn qua công tác thanh tra; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước về các lĩnh vực của ngành. | Năm 2020 | Thanh tra |
| V | Về hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế | | |
| 64 | Triển khai thực hiện các hoạt động của Bộ trong năm Chủ tịch ASEAN với vai trò Phó Chủ tịch Ủy ban và chủ trì Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN tại Việt Nam | Năm 2020 | Vụ Hợp tác quốc tế |
| 65 | Thực hiện Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội và Đề án 161 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN | Năm 2020 | Vụ Hợp tác quốc tế |
| VI | Công tác kế hoạch, tài chính; quản lý, giám sát đầu tư công | | |
| 66 | Triển khai hiệu quả Luật Ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công, Luật xây dựng, Luật đấu thầu, Luật phí và lệ phí, Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý đấu thầu; đẩy mạnh đấu thầu qua mạng. | Năm 2020 | Vụ Kế hoạch - Tài chính |
| 67 | Tăng cường công tác quản lý tài chính, tài sản nhà nước; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ | Năm 2020 | Vụ Kế hoạch - Tài chính |
| 68 | Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; xây dựng kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 đảm bảo lồng ghép được các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và tập trung được nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện. | Năm 2020 | Vụ Kế hoạch - Tài chính |
| 69 | Khảo sát, đánh giá hệ thống thống kê ngành Lao động – Thương binh và Xã hội; tổ chức hệ thống thông tin - báo cáo thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương để thu thập, xử lý thông tin kịp thời, phục vụ cho công tác xây dựng, hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành của Bộ. | Năm 2020 | Vụ Kế hoạch – Tài chính |